

# SO SÁNH LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC 2012 VÀ LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC SỬA ĐỔI 2018: KHÁC BIỆT CƠ BẢN, QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC, TỰ CHỦ ĐẠI HỌC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Phan Trung Kiên<sup>1</sup>,  
Lê Phước Minh<sup>2</sup>,  
Đình Tiến Dũng<sup>3</sup>,  
Nguyễn Đức Ca<sup>3+</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;  
<sup>2</sup>Viện Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông;  
<sup>3</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
+Tác giả liên hệ • Email: nguyenducca.21.05.2018@gmail.com

## Article history

Received: 12/4/2024

Accepted: 31/7/2024

Published: 20/9/2024

## Keywords

Higher Education Law,  
educational management,  
university administration,  
university autonomy

## ABSTRACT

The documents of the 12th and 13th National Congress of Representatives underscore the tasks of accomplishing the national education system in the direction of open education, lifelong learning and building a learning society; fundamentally renovating the management of education and training, ensuring democracy and unity; increasing the autonomy and social responsibility of higher education institutions. The paper juxtaposes the 2012 Law on Higher Education with the 2018 amended Law on higher education in Vietnam to highlight the differences between the two laws, such as the self-governance of the university, encouraging innovation in higher education, the organization of higher education administration, etc. Finally, the paper offers solutions that would contribute to improving the quality of Vietnamese higher education, enhancing the brand and status of Vietnam's higher education internationally and attracting investment into the field of higher education now and in the future. The research results help educational leaders, managers, faculty, students and society grasp the important changes in the state's policy and management mechanisms related to higher education, thus making plans and strategies more appropriate in their educational and social activities; while also helping to enhance general awareness of the role and importance of higher learning in the country's development strategy.

## 1. Mở đầu

Những năm gần đây, quy mô giáo dục đại học (GDĐH) và tỉ lệ tuyển sinh chung không ngừng tăng nhanh, trong khi đó, việc mở rộng, phân bổ tổng thể các nguồn lực cho GDĐH như điều kiện cơ sở hạ tầng, kinh phí giáo dục trên mỗi sinh viên (SV) và chất lượng giảng viên (GgV) đều chưa đảm bảo, khiến chất lượng đào tạo SV giảm sút. Sự phát triển của GDĐH trên thế giới đã và đang đứng trước hai áp lực: một là nhu cầu giáo dục tiếp tục tăng và thứ hai là chất lượng giáo dục cũng cần không ngừng được nâng cao. Hai yếu tố này tạo nên sự phát triển của GDĐH trên thế giới (Keinänen et al., 2018).

Năm 2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH, đồng thời Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH (Chính phủ, 2019). Những sửa đổi, bổ sung của Luật GDĐH 2018, như chương trình thay đổi, phương pháp thay đổi, cách dạy thay đổi, cách học thay đổi, nội dung thay đổi, hình thức thay đổi, công nghệ thay đổi, quản trị đại học (ĐH) thay đổi. Trong tự chủ ĐH, nhằm tạo điều kiện cho trường ĐH phát triển các chương trình đào tạo riêng biệt, nhanh nhạy đáp ứng nhu cầu thị trường lao động mà các chương trình đào tạo hiện có khó đáp ứng được; về mặt nhân sự giúp tạo điều kiện để các trường được chủ động mời các chuyên gia quốc tế, các nhà khoa học thành danh ở nước ngoài về làm việc để giúp chúng ta nâng tầm GDĐH và nghiên cứu khoa học ở Việt Nam; về mặt tài chính, tự chủ là cơ hội để các trường tự chủ hơn trong đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, huy động các nguồn lực từ xã hội để xây dựng không gian học thuật mang tầm quốc tế. Sự khác biệt giữa hai Luật (Luật GDĐH năm 2012 với Luật GDĐH sửa đổi năm 2018), các điểm mới được bổ sung vào Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 giúp cho các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý giáo dục, GgV, SV và xã hội nắm được những thay đổi quan trọng trong chính sách và cơ chế quản lý GDĐH của Nhà nước, từ đó có kế hoạch, chiến lược phù hợp hơn trong hoạt động giáo dục và xã hội của

minh; đồng thời giúp tăng cường nhận thức chung về vai trò và tầm quan trọng của GDDH trong chiến lược phát triển đất nước.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, hệ thống hóa tư liệu về Luật GDDH Việt Nam nhằm so sánh Luật GDDH năm 2012 với Luật GDDH sửa đổi năm 2018 về những khác biệt cơ bản, quản trị ĐH trong bối cảnh tự chủ, qua đó đưa ra các đề xuất và kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDDH Việt Nam, nâng cao thương hiệu GDDH Việt Nam trên trường quốc tế và thu hút nguồn đầu tư cho lĩnh vực GDDH ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số điểm khác biệt cơ bản giữa hai văn bản Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018

Về tổng thể, Luật GDDH năm 2012 và năm 2018 đều là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động GDDH tại Việt Nam. Tuy nhiên, hai Luật này còn có một số điểm khác biệt như sau:

*Bảng 1. Một số điểm khác biệt cơ bản giữa Luật GDDH năm 2012 và Luật GDDH sửa đổi năm 2018*

| Luật GDDH 2012  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH 2018   |
|---|--|
| <b>1. Đối tượng chính sách</b>  |  |
| Chỉ quy định về GgV, nhân viên và SV.   | Đã bổ sung về đối tượng tuyển sinh, người lao động trong lĩnh vực GDDH.  |
| <b>2. Tổ chức đào tạo</b>   |  |
| Cả hai Luật đều quy định về tổ chức đào tạo.  | Đã tăng cường quy định về trách nhiệm của các đơn vị đào tạo đối với chất lượng và hiệu quả đào tạo, đồng thời có quy định rõ hơn về hoạt động kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo.   |
| <b>3. Quản lý giáo dục</b>  |  |
| Chỉ quy định về trách nhiệm của Nhà nước và các cơ sở GDDH.   | Đã tăng cường quy định về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng đối với việc quản lý GDDH.   |
| <b>4. Tài chính - kinh phí</b>  |  |
| Cả hai Luật đều có quy định về tài chính - kinh phí cho hoạt động GDDH.   | Đã bổ sung thêm các quy định về thu, chi, quản lý ngân sách của đơn vị GDDH, đảm bảo tính minh bạch, công khai và tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách.  |
| <b>5. Quyền lợi của SV</b>  |  |
| Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động KH-CN, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Các quyền lợi nói chung theo quy định của pháp luật.  | Đã bổ sung nhiều quy định mới liên quan đến quyền lợi của SV trong hoạt động GDDH, bao gồm quyền được hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi ra trường, quyền được tham gia các hoạt động của Hội SV và liên kết SV.   |
| <b>6. Về tự chủ của các đơn vị trong trường ĐH</b>  |  |
| Tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực đào tạo, KH-CN, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng GDDH.   | Trao nhiều quyền tự chủ hơn cho các đơn vị trong trường ĐH về “tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở GDDH”. Cho phép các trường ĐH thành lập doanh nghiệp, liên kết với các đơn vị khác. Những thay đổi này nhằm thúc đẩy đổi mới, nâng cao chất lượng và quốc tế hóa trong GDDH ở Việt Nam. Các đơn vị này được khuyến khích phát triển độc lập, tự quản và có thể có nguồn tài chính riêng, đồng thời có quyền quyết định về việc phân công và bổ nhiệm lãnh đạo. Điều này giúp cho các đơn vị trong trường ĐH có thể hoạt động hiệu quả hơn và phát triển theo định hướng mục tiêu đề ra. |
| <b>7. Thay đổi về hình thức tổ chức của trường ĐH</b>   |  |
| Sau thời hạn 4 năm, kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập có hiệu lực, nếu cơ sở GDDH không được cho phép hoạt động đào tạo thì quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập hết hiệu lực.  | Đã cho phép thành lập trường ĐH theo hình thức liên kết giữa các đơn vị (các trường ĐH nhỏ có thể sáp nhập vào thành một ĐH lớn). Điều này giúp các ĐH có thể sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên có sẵn từ các đơn vị thành viên để nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học.   |
| <b>8. Hội đồng quản trị</b>   |  |
| Hội đồng quản trị là tổ chức đại diện duy nhất cho chủ sở hữu của nhà trường có vai trò, chức năng và thành phần của Hội đồng.  | Quy định rõ hơn về vai trò, chức năng và thành phần của Hội đồng quản trị các trường ĐH. Hội đồng quản trị được coi là cơ quan quản lý hàng đầu của trường, có nhiệm vụ giám sát và chỉ đạo hoạt động của nhà trường.  |
| <b>9. Phương thức đánh giá chất lượng GDDH</b>  |  |
| Đánh giá và công nhận cơ sở GDDH và chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng GDDH. Tổ chức kiểm định chất lượng GDDH chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm định, đánh giá chất lượng GDDH. | Đã đưa ra một số đổi mới trong phương thức đánh giá chất lượng GDDH. Theo đó, quy trình đánh giá được thực hiện theo hướng tiêu chuẩn hóa và công bằng, bao gồm cả việc đánh giá nhận thức và kĩ năng của SV. Điều này giúp cho việc đánh giá chất lượng GDDH trở nên khách quan hơn và đáp ứng được mong muốn của xã hội.   |

Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã tăng cường giám sát và cải thiện chất lượng GDĐH tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các trường ĐH phát triển và đổi mới.

## 2.2. Vấn đề quản trị đại học trong Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018

Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đều có quy định về Quản trị ĐH, tuy nhiên, có một số điểm khác biệt như sau:

*Bảng 2. Quản trị ĐH trong Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018*

| Luật GDĐH 2012  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH 2018   |
|---|--|
| <i>1. Quyền quản lý của Nhà nước</i>  |  |
| Nhà nước có quyền quản lý trực tiếp các trường ĐH công lập và kiểm tra, giám sát các trường ĐH tư thục (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2012) | Nhà nước chỉ có quyền tổ chức, quy định và kiểm tra hoạt động của các trường ĐH, bao gồm cả trường ĐH công lập và tư thục nhưng không có quyền quản lý trực tiếp các trường ĐH (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2018)  |
| <i>2. Tổ chức và quản lý của các trường ĐH</i>  |  |
| Chỉ quy định rõ về tổ chức và quản lý của các trường ĐH công lập (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2012).                                      | Đã bổ sung rõ hơn về tổ chức và quản lý của cả trường ĐH công lập và tư thục. Các trường ĐH phải có Ban Giám hiệu, Hội đồng quản trị và tổ chức các đơn vị trong trường ĐH (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2018).   |
| <i>3. Quản trị tài chính và ngân sách</i>   |  |
| Chỉ quy định rõ về quản trị tài chính và ngân sách của các trường ĐH công lập (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2012).                         | Đã bổ sung rõ hơn về quản trị tài chính và ngân sách của cả trường ĐH công lập và tư thục. Các trường ĐH phải tuân thủ quy định về quản lý tài chính, sử dụng ngân sách hiệu quả và giám sát việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài sản của trường ĐH (Điều 14, 15, 16, 17, 18) (Quốc hội, 2018). |

Như vậy, Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã bổ sung rất nhiều điểm mới và rõ ràng hơn về Quản trị ĐH so với Luật GDĐH năm 2012, đặc biệt là trong việc quy định các đơn vị trong trường ĐH và quản trị tài chính, giúp cho việc quản lý và điều hành trường ĐH được hiệu quả hơn.

## 2.3. Vấn đề tự chủ đại học trong Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018

Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đều có quy định về tự chủ ĐH, tuy nhiên, có một số điểm khác biệt như sau:

*Bảng 3. Tự chủ ĐH trong Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018*

| Luật GDĐH 2012   | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH 2018  |
|--|---|
| <i>1. Định nghĩa về tự chủ ĐH</i>  |   |
| “Chưa đề cập đến tự chủ ĐH” trong phần giải thích các thuật ngữ (Điều 4, 32) (Quốc hội, 2012).   | Đã có định nghĩa rõ ràng hơn về tự chủ ĐH. Theo đó, tự chủ ĐH là quyền của trường ĐH tự quản lý, trực tiếp từ cán bộ, GgV, nhân viên và SV; tự phát triển độc lập, tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của xã hội (Điều 4, 32) (Quốc hội, 2018). |
| <i>2. Quyền và trách nhiệm của trường ĐH</i>   |   |
| Chỉ đề cập đến quyền và trách nhiệm của trường ĐH trong việc quản lý cán bộ, GgV và nhân viên trong trường ĐH (Điều 4, 28, 29, 30, 31, 32) (Quốc hội, 2012). | Đã bổ sung rõ hơn về quyền và trách nhiệm của trường ĐH trong việc quản lý, phát triển các nguồn lực và tài sản của trường ĐH (Điều 4, 28, 29, 30, 31, 32) (Quốc hội, 2018).  |
| <i>3. Các đơn vị trong trường ĐH</i>   |   |
| Chỉ đề cập đến tự chủ ĐH trong phần giải thích các thuật ngữ (Điều 4, 32) (Quốc hội, 2012).  | Đã bổ sung rõ hơn về các đơn vị trong trường ĐH được khuyến khích phát triển độc lập và tự quản, có thể có nguồn tài chính riêng và quyền quyết định về việc phân công và bổ nhiệm lãnh đạo (Điều 4, 32) (Quốc hội, 2018).  |

Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã có nhiều điểm mới và rõ ràng hơn về tự chủ ĐH so với Luật GDĐH năm 2012. Nhờ vào những quy định rõ ràng hơn, các trường ĐH có thể tự quyết định về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và đưa ra được các sản phẩm nghiên cứu tiên tiến hơn. Bên cạnh đó, việc tăng cường tự chủ trong GDĐH cũng giúp thu hút các tài năng trẻ và các nhà nghiên cứu, GgV có chất lượng để tham gia vào các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH tại Việt Nam. Điều này sẽ giúp nâng cao thương hiệu và định vị của GDĐH Việt Nam trên trường quốc tế và thu hút nguồn đầu tư cho lĩnh vực GDĐH.

## 2.4. Một số kết quả đạt được và những tồn tại đến từ quản trị đại học trong bối cảnh tự chủ

### 2.4.1. Một số kết quả đạt được

Thời gian qua, tự chủ ĐH ghi nhận sự thay đổi rất lớn về nhận thức và sự triển khai quyết liệt của các cơ sở GDĐH. Một số thành tựu cụ thể như sau: - Có 170/174 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỉ lệ 97,4%); trong đó, 36/36 đơn vị trực thuộc Bộ GD-ĐT, 58/60 cơ sở GDĐH tư thục (Trung tâm Truyền thông và Sự kiện, 2023); - Công tác tuyển sinh đạt nhiều kết quả và chuyển biến khả quan. Tỉ lệ tuyển

sinh ĐH chính quy đạt 84,56%, tỉ lệ tuyển sinh thạc sĩ đạt 55,86%, tỉ lệ tuyển sinh tiến sĩ đạt 41,86%. Năm 2023, số thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT trên cả nước là 1.002.100; số thí sinh đăng kí xét tuyển vào ĐH, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non bằng 65,90% số thí sinh dự thi, với số nguyện vọng đăng kí là gần 3,4 triệu. Số thí sinh đăng kí xét tuyển ĐH năm 2023 tăng 4,56% so với 2022. Số thí sinh trúng tuyển đợt 1 trên hệ thống năm 2023 cũng tăng 7,9% so với 2022 (Trung tâm Truyền thông và Sự kiện, 2023); - Đội ngũ GgV gia tăng về số lượng và chất lượng. Triển khai Đề án 89 về đào tạo đội ngũ GgV, CBQL các cơ sở GDĐH, năm 2022, có 187 cán bộ, GgV được đào tạo trong nước (đạt 24%), 80 đi đào tạo ở nước ngoài (đạt 32%); năm 2023 con số này lần lượt là 118 trong nước (đạt 37%), 130 nước ngoài (đạt 64%) (Trung tâm Truyền thông và Sự kiện, 2023); - Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, số bài báo ISI/SCOPUS của các cơ sở GDĐH năm 2020 tăng 4 lần so với năm 2016. Sau 5 năm, các cơ sở GDĐH vượt 75.400 bài, chiếm hơn 77% trong tổng số bài báo ISI/SCOPUS cả nước (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2021); - Về đảm bảo chất lượng, kết quả kiểm định giai đoạn 2016-2021 cũng tăng dần qua các năm. Đến cuối tháng 7/2021 có 170 cơ sở và 241 chương trình đào tạo đạt chuẩn trong nước; 216 chương trình đào tạo và 7 cơ sở đạt chuẩn kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2021).

#### 2.4.2. Một số tồn tại và nguyên nhân

Một trong những tồn tại phải kể đến là công tác tuyển sinh, cụ thể: - Công tác tuyển sinh chịu nhiều tác động đến từ phương thức học tập (online, offline...), quy mô khối ngành có những thay đổi nên đã tác động đến công tác này. Một số cơ sở tuyển sinh tốt song chưa đầu tư điều kiện đảm bảo chất lượng tương xứng với quy mô đào tạo, đặc biệt nhiều nơi còn thiếu về nguồn lực cơ sở vật chất và đội ngũ con người (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2021); - Một số trường tuyển sinh thấp so với năng lực, năm 2020, có khoảng 25% cơ sở GDĐH có tỉ lệ nhập học thấp do thiếu cơ sở vật chất và nguồn lực; các tiêu chí và quy định tuyển sinh có thể không đúng mức, không xác định rõ ràng hoặc không đảm bảo tính công bằng cho tất cả các ứng viên; sự ảnh hưởng của yếu tố xã hội và gia đình; khoảng cách giữa GDĐH và yêu cầu thực tế của thị trường lao động... SV có thể không nhận thấy sự liên kết rõ ràng giữa chương trình đào tạo và cơ hội việc làm sau này, dẫn đến sự lựa chọn ít quan tâm đến năng lực khi tuyển sinh (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2021).

*Một số nguyên nhân chủ yếu:* Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ một số nội dung liên quan giữa Luật GDĐH với một số văn bản luật khác dẫn đến những khó khăn, vướng mắc cho các trường ĐH trong quá trình thực hiện đầy mạnh tự chủ theo Luật GDĐH nhưng vẫn phải tuân thủ, thực hiện các Luật liên quan. Nguồn lực dành cho GDĐH còn rất hạn chế. Những năm qua, ngân sách chi cho GDĐH chỉ trên dưới 17.000 tỉ, chiếm 0,27% GDP nhưng con số thực chi chưa đến 12.000 tỉ. Tính theo số thực chi thì chưa đạt 0,78% GDP, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới. Các trường ĐH của Việt Nam hiện vẫn dựa vào học phí là chủ yếu. Việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện tự chủ ĐH còn có hạn chế, có một số vi phạm. Cơ cấu tổ chức bộ máy, đội ngũ lãnh đạo một số cơ sở đào tạo chưa được kiện toàn. Công tác tuyển sinh vẫn cho thấy các phương thức xét tuyển phức tạp, chỉ tiêu phân bổ chưa hợp lí. Còn hạn chế trong thu hút nguồn lực cho phát triển KH-CN, gắn với đào tạo sau ĐH, chuyên giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu... (Trung tâm Truyền thông và Sự kiện, 2023). Ngoài ra, còn một số tồn tại nữa, đó là: số chương trình đào tạo được kiểm định tăng nhưng chưa đáp ứng được mục tiêu do nội dung chương trình đào tạo và nhu cầu thị trường lao động chưa tương thích; thiếu sự đầu tư vào cơ sở vật chất và công nghệ giảng dạy; thiếu nguồn lực; thiếu sự liên kết và giao lưu tốt giữa trường ĐH và doanh nghiệp.

#### 2.5. Một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam

Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã phù hợp hơn trong thực tế, tuy nhiên, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng GDĐH tại Việt Nam và đưa lĩnh vực GDĐH của nước ta phát triển bền vững hơn trong tương lai, bài viết đề xuất một số giải pháp sau đây:

- *Đổi mới công tác quản lí nhà nước về GDĐH trong bối cảnh tự chủ ĐH.* Để công tác quản lí nhà nước về GDĐH trong bối cảnh tự chủ ĐH ở Việt Nam hiện nay được hiệu quả hơn, chúng ta cần phải thực hiện một số đổi mới như sau: (1) Thúc đẩy sự đa dạng hóa các hình thức đào tạo: Các trường ĐH cần đầu tư mạnh vào đa dạng hóa các hình thức đào tạo từ ĐH đến cao học, từ chương trình đào tạo cơ bản đến chương trình đào tạo chất lượng cao; (2) Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Đẩy mạnh xuất bản phẩm quốc tế theo hệ thống ISI/SCOPUS nhằm nâng cao chất lượng GDĐH, giúp các trường ĐH tạo ra những giá trị mới, nâng cao uy tín và thu hút được các tài năng trẻ và các nhà nghiên cứu tâm huyết; (3) Tăng cường sự hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tài trợ cho các chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới, cải thiện quan hệ giữa doanh nghiệp và trường ĐH, đồng

thời cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển (Babić et al., 2015; Gafield, 1955; Huisman, 2006; Hirsch, 2005; Coccia, 2008).

- *Nâng cao hiệu quả tự chủ ĐH ở Việt Nam.* Để nâng cao hiệu quả tự chủ ĐH ở Việt Nam, một số giải pháp mà chúng ta có thể áp dụng là: (1) Tăng cường trao đổi, hợp tác và giao lưu giữa các trường ĐH; (2) Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi; (3) Tăng cường quản lý và điều hành; (4) Đào tạo và phát triển nhân lực.

- *Đổi mới chính sách về quản trị ĐH ở Việt Nam.* Đổi mới chính sách quản trị ĐH ở Việt Nam bao gồm các biện pháp và chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị ĐH. Một số chính sách quan trọng cần được triển khai trong thực tế: (1) Phát triển ĐH; (2) Đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy; (3) Tăng cường sự hợp tác giữa các ĐH trong và ngoài nước; (4) Đổi mới cơ chế tài chính (Tăng cường kiểm soát ngân sách; Đa dạng hóa nguồn thu; Sử dụng công nghệ trong quản lý tài chính; Tăng cường khả năng đàm phán; Tạo ra các khoản tiết kiệm (Thiết lập kế hoạch ngân sách; Tìm kiếm các nguồn tài trợ mới; Giảm thiểu chi phí không cần thiết; Sử dụng nguồn lực hiệu quả; Tăng thu nhập từ các hoạt động khác; Tạo ra các chương trình giảm học phí)).

- *Đổi mới chính sách trong quản lý đào tạo ĐH ở Việt Nam.* Các vấn đề cần được đổi mới trong quản lý đào tạo ĐH ở Việt Nam bao gồm: (1) Đổi mới hình thức tuyển sinh: Các hình thức tuyển sinh nên bao gồm xét tuyển theo thành tích hoạt động xã hội, xét tuyển theo hồ sơ, xét tuyển thông qua phỏng vấn, thi để đánh giá năng lực, tư duy... (2) Đổi mới cơ chế quản lý và thẩm định chất lượng đào tạo: Cơ chế quản lý và thẩm định chất lượng đào tạo cần được đổi mới để đảm bảo chất lượng đào tạo, xây dựng các tiêu chuẩn về mức độ hoàn thiện cao nhằm tăng cường tính minh bạch và công bằng đối với các trường ĐH.

## 2.6. Thảo luận

Từ việc so sánh giữa Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 của Việt Nam nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản Luật liên quan đến GDĐH, qua đó góp phần quan trọng vào việc không ngừng nâng cao chất lượng GDĐH tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để hiện thực hoá mục tiêu phát triển đất nước, các nghiên cứu, trao đổi và thảo luận trong bài báo này gồm một số nội dung sau:

- *Đổi mới quản lý nhà nước về GDĐH trong bối cảnh tự chủ ĐH ở Việt Nam hiện nay:* (1) Tăng quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH và việc đổi mới công tác quản lý nhà nước về GDĐH là quan trọng và cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Tuy nhiên, những thách thức và cơ hội mà tự chủ ĐH mang lại cũng như vai trò của quản trị ĐH trong việc nâng cao chất lượng GDĐH là những vấn đề quan trọng; (2) Các biện pháp và chính sách cần thiết phải được đề xuất để nâng cao chất lượng GDĐH, trong đó: đổi mới công tác tuyển sinh, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới chương trình GD-ĐT, xây dựng môi trường học tập và khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo là những nội dung cần được xem xét; (3) Sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị ĐH. Các biện pháp để tăng cường sự minh bạch trong nhà trường cần được thông tin cho tất cả cán bộ, GgV, SV và công chúng. Trong đó, việc xây dựng cơ chế đánh giá và kiểm soát hiệu quả, đảm bảo quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình và sự phù hợp về “chuẩn kiểm tra, đánh giá” với tiêu chuẩn quốc tế; (4) Cơ chế tài chính linh hoạt và minh bạch trong quản trị ĐH. Xây dựng cơ chế nguồn tài chính đa dạng, tiếp thu các nguồn tài chính từ nhiều nguồn khác nhau và quản lý nguồn tài chính sao cho “minh bạch và hiệu quả”; (5) Tăng cường sự hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp. Các chương trình thực tập phù hợp để giúp SV tìm hiểu về công việc thực tế, liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức ngoài nhà trường trong lĩnh vực GD-ĐT của mình và cung cấp thông tin chi tiết về yêu cầu của doanh nghiệp để các SV có thể được chuẩn bị sẵn sàng tiếp cận cơ hội việc làm trong tương lai. Vai trò của Chính phủ và các chính sách hỗ trợ cần thiết để tăng cường sự hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế pháp lý linh hoạt, khuyến khích đầu tư từ phía doanh nghiệp vào GDĐH và cung cấp nguồn tài trợ để thúc đẩy sự hợp tác (Babić et al., 2015; Gafield, 1955; Huisman, 2006; Hirsch, 2005; Coccia, 2008).

- *Đổi mới cơ chế quản trị và tổ chức.* Các nghiên cứu, trao đổi ở đây gồm có: (1) Các quyền và trách nhiệm của các bên liên quan, sự tương tác giữa các cấp quản lý, vai trò của các tổ chức và hiệu quả của cơ chế quản trị theo Luật; (2) Những quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị trong trường, như khoa, bộ môn, viện, phòng ban, hội đồng quản trị, hội đồng trường; (3) Xem xét lại cách tổ chức và quản lý, cải thiện quy trình ra quyết định, thúc đẩy sự linh hoạt và động lực hóa trong hoạt động, tăng cường vai trò của SV và GgV trong quá trình quyết định và thực hiện; (4) Tăng cường sự tham gia và tương tác của các bên liên quan, xây dựng cơ chế đánh giá và kiểm soát hiệu quả, cung cấp nguồn lực và hỗ trợ đủ cho quá trình hoạt động của cơ sở GDĐH (Sabapathy, 2006; Li & Yang, 2014; Walters, 2006).

### 3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu ở trên, bài báo có một số kết luận sau: (1) Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã bổ sung rất nhiều điểm mới và rõ ràng hơn về quản trị ĐH so với Luật GDĐH năm 2012, đặc biệt là trong việc quy định các đơn vị trong trường ĐH và quản trị tài chính, giúp cho việc quản trị và điều hành trường ĐH được hiệu quả hơn; (2) Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 đã có nhiều điểm mới và rõ ràng hơn về tự chủ ĐH so với Luật GDĐH năm 2012. Các trường ĐH có thể tự quyết định về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển, từ đó nâng cao chất lượng, tạo ra các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học tiên tiến, thiết thực hơn. Bên cạnh đó, việc tăng cường tự chủ trong GDĐH cũng giúp thu hút các tài năng trẻ và các nhà nghiên cứu, các GgV giàu kinh nghiệm và đầy tâm huyết đến và để tham gia vào các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH của Việt Nam. Điều này sẽ giúp nâng cao thương hiệu và định vị của GDĐH Việt Nam trên trường quốc tế và thu hút nguồn đầu tư cho lĩnh vực GDĐH. Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 quy định rõ hơn về tự chủ ĐH, đây là một bước tiến quan trọng để nâng cao chất lượng GDĐH tại Việt Nam và đưa lĩnh vực GDĐH của nước ta phát triển bền vững hơn trong tương lai; (3) Đổi mới công tác quản lý nhà nước về GDĐH trong bối cảnh tự chủ ĐH ở Việt Nam hiện nay là cần thiết. Đặc biệt, đổi mới chính sách quản trị ĐH ở Việt Nam, đổi mới công tác tuyển sinh và công tác kiểm định chương trình đào tạo... nhằm đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị ĐH; (4) Tăng cường sự hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp, các trường ĐH cần đưa ra các chương trình thực tập phù hợp, giúp SV tìm hiểu về công việc thực tế, liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức ngoài nhà trường trong lĩnh vực GD-ĐT của mình, cung cấp thông tin chi tiết về yêu cầu của doanh nghiệp để SV có thể được chuẩn bị sẵn sàng tiếp cận cơ hội việc làm trong tương lai.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ hiệu quả quản trị ĐH tại Việt Nam, qua đó từng bước nâng cao vị thế và thương hiệu các cơ sở GDĐH Việt Nam trên trường quốc tế trong lĩnh vực GDĐH, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng GD-ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

### Tài liệu tham khảo

- Babić, D., Kutlača, Đ., Živković, L., Štrbac, D., & Semenčenko, D. (2015). Evaluation of the quality of scientific performance of the selected countries of Southeast Europe. *Scientometrics*, 106(1), 405-434.
- Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*.
- Coccia, M. (2008). Measuring scientific performance of public research units for strategic change. *Journal of Informetrics*, 2(3), 183-194. <https://doi.org/10.1016/j.joi.2008.04.001>
- Gafield, E. (1955). Citation indexes for science: A new dimension in documentation through association of ideas. *Science*, 122(3159), 108-111. <https://doi.org/10.1126/science.122.3159.108>
- Hirsch, J. E. (2005). An index to quantify an individual's scientific research output. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 102(46), 16569-16572.
- Huisman, J. (2006). *Conduct of governing bodies*. Paper presented at the Governing bodies of higher education institutions: Roles and responsibilities, Paris.
- Keinänen, M., Ursin, J., & Nissinen, K. (2018). How to measure students' innovation competences in higher education: Evaluation of an assessment tool in authentic learning environments. *Studies in Educational Evaluation*, 58, 30-36. <https://doi.org/10.1016/j.stueduc.2018.05.007>
- Li, M., & Yang, R. (2014). *Governance reforms in higher education: A study of China*. International Institute for Educational Planning.
- Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. Luật số 08/2012/QH13, ban hành ngày 18/6/2012.
- Quốc hội (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*. Luật số 34/2018/QH14, ban hành ngày 19/11/2018.
- Sabapathy, P. (2006). *Different Models - Same Problems*. Paper presented at the Governing bodies of higher education institutions: Roles and responsibilities, Paris.
- Trung tâm Truyền thông Giáo dục (2021). *Giáo dục đại học năm học mới: Tăng cường thích nghi, tiếp tục lộ trình đổi mới*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7489>
- Trung tâm Truyền thông và Sự kiện (2023). *Giáo dục đại học năm học 2022-2023: Khởi sắc từ sự kiên trì, bền bỉ*. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dai-hoc/Pages/default.aspx?ItemID=8732>
- Walters, C. (2006). *Governing bodies of higher education institutions: Roles and responsibilities*. Paris.